

## QUYẾT ĐỊNH

### **Phê duyệt quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2008 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020**

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 113/2006/TT-BTC ngày 28/12/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về ngân sách Nhà nước hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn theo Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Đồng Nai tại Tờ trình số 2491/TTr-SNN ngày 01/12/2009,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2008 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020, với nội dung chính như sau:

##### **I. Quan điểm phát triển:**

1. Phát triển ngành nghề nông thôn phải đặt trong tổng thể phát triển KT-XH, quan hệ chặt chẽ với các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, với các địa phương khác, nhất là vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; đặc biệt là với thị trường trong nước và thị trường Quốc tế. Tập trung phát triển các ngành nghề có thế mạnh về nguyên liệu, thị trường, truyền thống sản xuất, có lợi thế cạnh tranh cao, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và có triển vọng phát triển lâu dài. Kết hợp giữa sản xuất thủ công với hiện đại, nguyên liệu tự nhiên với nhân tạo nhằm tăng năng suất lao động, tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng, mẫu mã đẹp tạo được chỗ đứng vững chắc trên thị trường.

2. Tăng cường quản lý Nhà nước đối với phát triển ngành nghề nông thôn, đặc biệt là chế biến lương thực, thực phẩm để đáp ứng tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm. Từng bước đổi mới công nghệ, chú trọng phát triển ngành nghề nông thôn gắn kết với các vùng nguyên liệu để giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho lao động nông thôn.

3. Chú trọng đào tạo nghề cho nông dân nhằm tạo việc làm, ổn định đời sống cho người dân nông thôn, thực hiện chủ trương □Ly nông bắt ly hương□. Khai thác và phát huy nội lực

trong nông dân - nông thôn đồng thời mở rộng liên kết, tranh thủ các nguồn lực để tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh cao.

4. Gắn liền với quan điểm bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống, từng bước khôi phục, phát triển các nghề và làng nghề truyền thống mang đậm bản sắc dân tộc đặc thù của tỉnh.

5. Tuân thủ nghiêm ngặt những quy định về bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa của từng địa phương, chuyển đổi công nghệ, tiến hành di dời hoặc ngưng hoạt động các cơ sở ngành nghề gây ô nhiễm môi trường.

## **II. Mục tiêu phát triển:**

### **1. Mục tiêu chung:**

Phát triển ngành nghề nông thôn nhằm sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên, nâng cao giá trị nguồn nguyên liệu tại chỗ, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người dân nông thôn. Khôi phục và phát triển các nghề truyền thống, xây dựng các làng nghề, đa dạng hóa sản phẩm ngành nghề góp phần tích cực vào phát triển du lịch và quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

### **2. Mục tiêu cụ thể:**

a) Phần đầu đạt tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai qua các thời kỳ như sau:

Thời kỳ 2009 - 2020 tăng bình quân 9,0 - 9,5%/năm.

Trong đó:

Thời kỳ từ nay đến năm 2010 tăng bình quân 8,0%.

Thời kỳ 2011 - 2015 tăng bình quân 10,0%.

Thời kỳ 2016 - 2020 tăng bình quân 9,5 - 10,0%.

b) Giá trị sản xuất khu vực ngành nghề nông thôn năm 2015 gấp 1,8 - 2,0 lần và năm 2020 gấp 2,5 - 3,0 lần so với GTSX năm 2008.

c) Nâng tỷ trọng giá trị sản xuất ngành nghề nông thôn trong tổng giá trị sản xuất khu vực nông thôn, đồng thời chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn trên địa bàn tỉnh theo hướng CNH - HĐH.

d) Tạo việc làm ổn định cho khoảng 48 - 50 ngàn lao động nông thôn, trong đó tạo việc làm mới cho khoảng 13 - 15 ngàn lao động. Nâng tỷ trọng lao động ngành nghề nông thôn khoảng 3 - 5% trong tổng lao động xã hội, góp phần giải quyết việc làm cho người dân nông thôn.

e) Phần đầu thu nhập bình quân đầu người từ ngành nghề đạt 25 - 30 triệu đồng/năm vào năm 2015 và đạt 35 - 40 triệu đồng vào năm 2020.

f) Sử dụng hợp lý và làm tăng giá trị các nguồn nguyên liệu được sản xuất từ nông lâm nghiệp ở địa phương.

g) Bảo tồn và phát triển các làng nghề, nghề truyền thống. Xây dựng các làng nghề mới, làm hạt nhân cho phát triển ngành nghề. Vực dậy những cơ sở sản xuất "Cầm chừng" và mở thêm các ngành nghề mới mà tỉnh có thế mạnh về nguyên liệu và triển vọng thị trường.

## **III. Định hướng phát triển:**

1. Quy hoạch phát triển nhóm ngành nghề chế biến, bảo quản nông sản:

a) Xây xát gạo: Tăng trưởng ở tốc độ thấp khoảng 2,3%/năm. Năm 2015 sử dụng 1.000 lao động, tạo ra GTSL khoảng 54,6 tỷ đồng; năm 2020 sử dụng khoảng 850 - 900 lao động,

GTSL khoảng 60 tỷ đồng. Chủ động đổi mới công nghệ, đầu tư các dây chuyền xay xát hiện đại, tỷ lệ gạo thành phẩm cao, giảm thất thoát. Từng bước di dời các cơ sở hiện có sang các khu, cụm công nghiệp ở các địa phương đã được quy hoạch để giảm ô nhiễm môi trường trong các khu dân cư.

b) Bánh bún: Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, tăng cường kiểm tra nhằm đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng. Khuyến khích đổi mới công nghệ, cấp phép cho những cơ sở đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm. Tăng trưởng GTSL ở mức độ trung bình khoảng 7%/năm. Năm 2015 sử dụng 2.240 lao động, GTSL khoảng 190,4 tỷ đồng; năm 2020 sử dụng 2.540 lao động, GTSL khoảng 260 tỷ đồng.

c) Nấu rượu: Tăng trưởng GTSL khoảng 2%/năm. Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ về khoa học, kỹ thuật và công nghệ trong sản xuất rượu, đăng ký chất lượng sản phẩm, các ngành chức năng cần tiến hành kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng rượu, xây dựng thương hiệu □ đăng ký nhãn hiệu rượu Bến Gỗ - xã An Hòa - huyện Long Thành, rượu đế Nam Cát Tiên - xã Nam Cát Tiên - huyện Tân Phú.

d) Chế biến bảo quản rau quả: Tập trung phát triển ở các khu vực ven đô thị, sau đó đến các khu vực nông thôn. Phân đầu đến năm 2010 mỗi huyện, thị có từ 02 - 03 cơ sở, đến năm 2020 các xã có vùng chuyên canh rau đều có cơ sở chế biến, bảo quản thu hút khoảng 650 - 700 lao động tham gia, GTSL đạt khoảng 28,5 tỷ đồng.

e) Sơ chế hạt điều: Tăng trưởng GTSL ở mức độ trung bình khoảng 4 - 5%/năm. Năm 2015 thu hút 3,9 ngàn lao động, tạo ra GTSL khoảng 534 tỷ đồng; năm 2020 thu hút 3,75 ngàn lao động, GTSL khoảng 687,5 tỷ đồng. Tập trung hiện đại hóa khâu chế biến, đầu tư công nghệ bóc vỏ cứng, vỏ lụa để giảm lao động thủ công, hạ giá thành và tăng năng suất lao động.

f) Trồng và chế biến nấm: Quy hoạch theo hướng thành lập các trung tâm sản xuất meo giống chất lượng cao. Xây dựng các trang trại nấm hiện đại, xây dựng thương hiệu, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tăng cường hoạt động trao đổi kinh nghiệm, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật. Dự kiến tăng trưởng GTSL khoảng 12 - 13%/năm, đưa nghề trồng nấm trở thành nghề chủ lực trong phát triển ngành nghề nông thôn. Chỉ tiêu đến năm 2020 sử dụng 11 ngàn lao động, GTSL đạt 976,8 tỷ đồng.

g) Chế biến sản phẩm từ thịt: Tăng trưởng khoảng 6 - 7%/năm. Kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư dây chuyền chế biến sản phẩm đáp ứng yêu cầu VSATTP.

h) Sản xuất nước đá, nước uống: Tốc độ tăng GTSL khoảng 6 - 8%/năm. GTSL tăng từ 68,4 tỷ đồng năm 2008 lên 96,4 tỷ đồng năm 2015 và lên 141,5 tỷ đồng năm 2020. Năm 2015 sử dụng 730 lao động, năm 2020 sử dụng 960 người.

2. Quy hoạch phát triển nhóm ngành nghề đồ gỗ - mộc gia dụng, đan lát, dệt may, cơ khí:

a) Nghề đan lát: Chuyên đổi cơ cấu và đa dạng hóa sản phẩm theo hướng sử dụng thế mạnh nguyên liệu từ tre, trúc, lồ ô, tầm vông, bẹ chuối □ Đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng của nhóm nghề này khoảng 13%/năm, GTSL năm 2010 đạt 75,2 tỷ đồng, năm 2015 đạt 137,6 tỷ đồng và năm 2020 đạt 264,7 tỷ đồng. Lao động đến năm 2020 khoảng 3,8 ngàn người, tăng xấp xỉ 1,0 ngàn người so với năm 2008.

b) Nhóm nghề đồ gỗ, mộc gia dụng: Là ngành nghề chủ lực trong các ngành nghề nông thôn nhờ thế mạnh về nguyên liệu, thị trường, công nghệ, truyền thống sản xuất. Dự kiến phát

triển với tốc độ cao khoảng 7 - 8%/năm. GTSL tăng từ 205,14 tỷ đồng năm 2008 lên khoảng 501 tỷ đồng năm 2020; nhu cầu sử dụng lao động vào khoảng 4,3 ngàn người năm 2020, tăng 1,3 ngàn người so với năm 2008.

c) Dệt may, giày da: Tăng trưởng với tốc độ khá, giai đoạn 2010 - 2015 tăng khoảng 9% đối với nghề dệt may và 8% đối với nghề giày da, giai đoạn 2016 - 2020 tăng trưởng khoảng 6 - 8% cho cả 02 lĩnh vực dệt may và giày da.

d) Cơ khí sửa chữa: Phát triển với tốc độ cao khoảng 13 - 15%/năm, nhu cầu sử dụng lao động khoảng 7,5 ngàn người (năm 2020), tăng 2,4 ngàn người so với năm 2008. Di dời 09 cơ sở đúc gang vào khu quy hoạch 4,82 ha.

### **3. Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ:**

Phát triển với tốc độ cao khoảng 14,5%/năm trong giai đoạn 2009 - 2020, với các giải pháp như: Khuyến khích phát triển các nghề đã có trên địa bàn tỉnh; chủ động liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước để tìm kiếm thị trường, có chính sách hỗ trợ các cơ sở tham gia các cuộc triển lãm, hội chợ tổ chức trong và ngoài tỉnh; phong tặng danh hiệu nghệ nhân cho những lao động có tay nghề cao, có chính sách thu hút và mời gọi các nghệ nhân từ nơi khác đến Đồng Nai sản xuất và kinh doanh; chú trọng các chính sách ưu đãi trong đào tạo lao động, đặc biệt là đào tạo lao động thiết kế mẫu mã.

### **4. Gây trồng và kinh doanh sinh vật cảnh:**

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân có điều kiện về vốn, đất đai, kiến thức và kinh nghiệm đầu tư vào gây trồng và kinh doanh sinh vật cảnh. Tập trung phát triển ở các khu vực ven đô, nhất là ở khu vực ấp II, xã Long Thọ - huyện Nhơn Trạch, khu vực dốc 47, ngã ba Thái Lan, Tam Phước, Long Thành, thị trấn Tân Phú, thị trấn Trảng Bom, thị trấn Gia Ray, thị trấn Long Thành và rải rác ở các trung tâm huyện, mỗi trung tâm khoảng 5 - 10 cơ sở

### **5. Đào tạo nghề, truyền nghề, tư vấn sản xuất, kinh doanh:**

Tiếp tục thực hiện các chương trình đào tạo nghề, tạo việc làm do Sở Lao động - Thương binh & Xã hội, Trung tâm Khuyến công tổ chức. Đẩy mạnh các hoạt động đào tạo nghề tại các trung tâm dạy nghề ở các huyện, thị. Hỗ trợ kinh phí cho các chủ cơ sở làm nghề tổ chức các lớp đào tạo nghề tại chỗ. Xây dựng mạng lưới thông tin đồng bộ từ Trung tâm Khuyến công của tỉnh đến các cơ sở sản xuất ngành nghề và với bên ngoài. Ngoài ra, các hoạt động liên quan đến truyền nghề và tư vấn sản xuất kinh doanh cũng cần duy trì thường xuyên, liên tục và coi như một định hướng quan trọng trong các hoạt động đào tạo nghề, truyền nghề, tư vấn sản xuất, kinh doanh.

## **IV. Bảo tồn và phát triển làng nghề:**

### **1. Bảo tồn và phát triển nghề truyền thống:**

- Nghề đúc gang.
- Nghề dệt thổ cẩm.
- Nghề nấu rượu Bến Gỗ.

### **2. Bảo tồn và phát triển làng nghề:**

- Làng nghề trồng và chế biến nấm ở ấp 4, xã Suối Nho, huyện Định Quán.
- Làng nghề đồ gỗ, mộc gia dụng ở ấp Lộ Đức, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom.
- Làng nghề gỗ mỹ nghệ ấp Tân Bắc, xã Bình Minh, huyện Trảng Bom.
- Làng nghề gỗ mỹ nghệ ấp II, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc.
- Làng nghề gây trồng và kinh doanh sinh vật cảnh ở ấp II, xã Long Thọ, huyện Nhơn

Trạch.

### **3. Bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống:**

- Làng nghề truyền thống đúc gang ở ấp II, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu.

- Làng nghề truyền thống dệt thổ cẩm của đồng bào Châu Mạ ở ấp 4, xã Tà Lài, huyện Tân Phú.

- Làng nghề truyền thống nấu rượu ở Bến Gõ, xã An Hòa, huyện Long Thành.

### **4. Phát triển nghề gắn với du lịch:**

- Nghiên cứu phát triển nghề làm rượu bưởi và chế biến các sản phẩm từ bưởi ở vùng bưởi Tân Triều - huyện Vĩnh Cửu, gắn với phát triển du lịch sinh thái vùng bưởi Tân Triều.

- Khôi phục phát triển các nghề dệt thổ cẩm, nghề làm rượu cần, com lam, đan lát của đồng bào Châu Ro ở Phú Lý, nghề nuôi hươu, nai lấy nhung ở Hiếu Liêm, Mã Đà gắn với phát triển du lịch xanh, du lịch về nguồn, thăm di tích Trung ương Cục miền Nam, lịch sử Chiến khu D.

- Phát triển nghề dệt thổ cẩm của đồng bào Châu Mạ ở thị trấn Định Quán - huyện Định Quán, Tà Lài - Tân Phú; nghề nấu rượu đế Nam Cát Tiên gắn với phát triển du lịch sinh thái rừng Nam Cát Tiên.

- Xây dựng phát triển nghề đồ gỗ mỹ nghệ ở Bình Minh, Trảng Bom, Xuân Tâm, Xuân Lộc, liên kết với các công ty du lịch đi Phan Thiết, Đà Lạt để thu hút khách du lịch dừng chân tại các làng nghề nói trên, nhằm quảng bá sản phẩm ngành nghề.

### **5. Phát triển ngành nghề mới:**

- Đẩy mạnh phát triển nghề gây trồng và kinh doanh sinh vật cảnh ở các huyện, thị, trong đó tập trung chủ yếu ở xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, thị trấn Long Thành và xã Tam Phước, huyện Long Thành, thị trấn Trảng Bom, thị trấn Tân Phú, thị xã Long Khánh và ở thị trấn trung tâm các huyện còn lại.

- Phát triển nghề bảo quản và chế biến rau quả ở các khu vực ven đô thị ở các huyện, thị và các vùng chuyên canh rau an toàn.

- Phát triển nghề nuôi các động vật hoang dã: Hươu, nai, baba, rùa, rắn, kỳ nhông, heo rừng ở các huyện, thị.

- Nghiên cứu phát triển nghề làm rượu bưởi và chế biến các sản phẩm từ quả bưởi ở vùng bưởi Tân Triều - huyện Vĩnh Cửu.

### **V. Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư:**

#### **a) Tiếp tục thực hiện 05 đề án đã được duyệt:**

1. Khôi phục và phát triển nghề dệt thổ cẩm của người Châu Mạ huyện Tân Phú.

2. Khôi phục và phát triển nghề đúc gang xã Thạnh Phú, Vĩnh Cửu đến năm 2010.

3. Khôi phục và phát triển nghề sản xuất và chế biến nấm các loại trên địa bàn TX. Long Khánh đến năm 2012.

4. Phát triển nghề mây tre đan ở huyện Định Quán giai đoạn 2008 - 2013.

5. Phát triển nghề đồ gỗ mỹ nghệ ở huyện Trảng Bom giai đoạn 2008 - 2013.

#### **b) Xây dựng mới 11 dự án ưu tiên đầu tư:**

1. Dự án phát triển nghề đồ gỗ mỹ nghệ trên địa bàn huyện Xuân Lộc.

2. Dự án sản xuất các sản phẩm từ tre trúc tại huyện Vĩnh Cửu.

3. Dự án phát triển nghề đồ gỗ và mộc gia dụng huyện Trảng Bom.

4. Dự án khôi phục và phát triển nghề trồng và chế biến nấm trên địa bàn xã Suối Nho,

huyện Định Quán.

5. Dự án phát triển nghề gây trồng và kinh doanh sinh vật cảnh ở xã Long Thọ - huyện Nhơn Trạch.

Dự án phát triển nghề cơ khí trên địa bàn Nhơn Trạch, Long Khánh, Tân Phú.

7. Dự án phát triển nghề đồ gỗ trên địa bàn huyện Định Quán.

8. Dự án phát triển nghề mây tre đan trên địa bàn huyện Tân Phú.

9. Dự án đầu tư xây dựng mô hình sơ chế bảo quản rau và trái cây.

10. Dự án nghiên cứu phát triển nghề làm rượu bưởi và chế biến sản phẩm từ trái bưởi huyện Vĩnh Cửu

11. Dự án phát triển nghề chế tác đá mỹ nghệ tại huyện Tân Phú và huyện Thống Nhất.

## **VI. Vốn đầu tư:**

Nhà nước hỗ trợ cho các lĩnh vực xây dựng làng nghề, xây dựng các dự án, tiếp thị, đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ. Còn lại là vốn các doanh nghiệp, vốn dân tài đầu tư sản xuất và vốn vay của các tổ chức tín dụng.

## **VII. Giải pháp thực hiện:**

### **1. Nhóm giải pháp về chính sách:**

a) Về chính sách tài chính và tín dụng:

- Tăng vốn tín dụng ưu đãi, vốn chương trình kích cầu của Nhà nước cho các cơ sở ngành nghề nông thôn được vay vốn trung và dài hạn với lãi suất ưu đãi.

- Tăng cường các nguồn vốn, các nguồn tài trợ khác của các tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ cho phát triển ngành nghề nông thôn.

- Phát triển thị trường vốn, tín dụng ở nông thôn, quy định lãi suất phù hợp, phát triển hình thức liên kết kinh tế.

- Thành lập quỹ hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn; đây là công cụ chính sách quan trọng để đẩy mạnh phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn của tỉnh.

- Vận dụng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước được quy định tại Nghị định 66/2006/NĐ-CP và Thông tư 113/2006/TT-BTC để triển khai thực hiện đến các cơ sở ngành nghề.

- Các dự án kinh doanh có hiệu quả được hưởng ưu đãi đầu tư theo Luật Đầu tư; được vay vốn từ quỹ hỗ trợ giải quyết việc làm theo quy định tại Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

b) Về chính sách thuế:

- Những cơ sở ngành nghề nông thôn mới thành lập xem xét miễn giảm thuế theo quy định hiện hành; sau thời gian miễn giảm thuế, nếu thấy còn nhiều khó khăn, có thể tiếp tục xử lý trong những năm tiếp theo.

- Áp dụng chính sách khoán thuế hàng năm để khuyến khích chủ cơ sở mở rộng sản xuất trong thời hạn được khoán thuế.

- Việc đổi mới công nghệ, thiết bị, chi phí nghiên cứu triển khai sản xuất thử sản phẩm mới, chi phí đào tạo nghiệp vụ, dạy nghề xem xét ưu đãi theo quy định hiện hành.

- Thực hiện đúng chính sách thưởng xuất khẩu của Nhà nước nhằm khuyến khích các cơ sở ngành nghề tham gia xuất khẩu.

c) Về chính sách đất đai:

Thực hiện theo quy định ưu đãi hiện hành của Nhà nước.

## **2. Giải pháp về đào tạo lao động:**

- Các cơ sở ngành nghề nông thôn được hỗ trợ kinh phí gửi lao động đi đào tạo tại các trường quản lý, trường công nhân kỹ thuật của Nhà nước.

- Có biện pháp khuyến khích mời các nghệ nhân trong và ngoài tỉnh kèm cặp, bồi dưỡng truyền nghề cho lực lượng lao động trẻ thông qua các lớp đào tạo, hội thảo, trao đổi kinh nghiệm□

- Nhà nước sẽ hỗ trợ một phần kinh phí để khuyến khích các làng nghề, cơ sở nghề truyền thống mở lớp đào tạo nghề cho lao động địa phương và các vùng lân cận.

- Lao động nông thôn khi tham gia học nghề ở các cơ sở đào tạo nghề được hỗ trợ kinh phí đào tạo theo chính sách hiện hành của Nhà nước.

- Chú trọng đào tạo đội ngũ thiết kế mẫu mã sản phẩm ngành nghề.

- Gắn kết với chương trình đào tạo mỗi năm 01 triệu nông dân của Chính phủ.

- Tăng cường năng lực đào tạo cơ sở vật chất ở các Trung tâm đào tạo nghề các huyện, thị.

## **3. Các giải pháp về thị trường:**

- Tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm: Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở tiếp cận thị trường trong nước và nước ngoài bằng cách ưu tiên về quảng cáo, triển lãm. Tổ chức mạng lưới tiêu thụ trong và ngoài tỉnh. Tăng cường liên doanh liên kết với các doanh nghiệp bên ngoài để tiêu thụ sản phẩm. Kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào phát triển, tiêu thụ sản phẩm NNNT. Hợp tác với Việt kiều ở nước ngoài để xâm nhập thị trường xuất khẩu.

- Đưa nhanh thông tin đến với người sản xuất, kinh doanh: Thành lập rộng rãi mạng lưới thư viện đến các xã, tăng thời lượng và chất lượng đối với các chương trình phát thanh, truyền hình, báo địa phương; hình thành hệ thống mạng thông tin từ xã - huyện - tỉnh; thường xuyên cập nhật nội dung về phát triển ngành nghề nông thôn, về thị trường tiêu thụ trên website của tỉnh.

- Tăng cường liên doanh liên kết để phát triển NNNT: Tăng cường các hoạt động liên doanh, liên kết trong phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Đồng Nai với các tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và các tỉnh lân cận như Bình Thuận, Lâm Đồng... để vừa tìm kiếm thị trường tiêu thụ, tiếp cận các tiến bộ khoa học kỹ thuật và để thu hút đầu tư.

- Tăng cường công tác tiếp thị, khuyến thị: Theo dõi chặt chẽ chương trình kế hoạch của các hội chợ có liên quan, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức cá nhân tham gia đầy đủ các buổi hội chợ, hỗ trợ kinh phí tham gia.

## **4. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước:**

Gắn phát triển ngành nghề nông thôn với xây dựng cụm điểm CN-TTCN và phong trào nông thôn mới. Tiếp tục kêu gọi đầu tư vào các khu công nghiệp và các cụm CN-TTCN, di dời các cơ sở gây ô nhiễm đến các khu quy hoạch. Xây dựng và thực hiện chương trình hợp tác liên kết giữa các doanh nghiệp với các cơ sở ngành nghề trong gia công nguyên liệu, linh kiện chi tiết và tiêu thụ sản phẩm. Thực hiện có hiệu quả các chương trình thúc đẩy phát triển ngành nghề nông thôn, phát triển các loại dịch vụ phục vụ sản xuất, xây dựng và triển khai chương trình xúc tiến thương mại.

## **5. Tăng cường và đổi mới các hoạt động khuyến công:**

Tập trung tăng cường và đổi mới các hoạt động khuyến công ở cấp huyện và cấp xã. Dành kinh phí thỏa đáng cho các hoạt động khuyến công, nghiên cứu khoa học về phát triển

NNNT, xây dựng Trung tâm nghiên cứu và quảng bá sản phẩm NNNT. Nội dung chương trình hoạt động đối với từng cấp khuyến công theo Nghị định số 134/2004/NĐ-CP.

#### **6. Xây dựng cơ sở hạ tầng:**

Lồng ghép các chương trình, dự án và ưu tiên đầu tư mạng lưới cơ sở hạ tầng trong các làng nghề, khu vực phát triển ngành nghề nông thôn.

#### **7. Khoa học công nghệ:**

Khuyến khích, tạo điều kiện cho các cơ sở ngành nghề ứng dụng kịp thời công nghệ và kỹ thuật tiên tiến cần thiết để vừa tăng năng suất lao động, vừa sản xuất ra các sản phẩm có sức cạnh tranh cao trên thị trường trong và ngoài nước. Thành lập các trung tâm hỗ trợ phát triển ngành nghề cho từng vùng để hỗ trợ việc đào tạo, dạy nghề, chuyển giao công nghệ, giới thiệu sản phẩm, cung cấp thông tin thị trường. Hàng năm dành tỷ lệ thỏa đáng từ kinh phí sự nghiệp khoa học, công nghệ để hỗ trợ các cơ sở sản xuất ngành nghề đổi mới công nghệ và thiết bị.

#### **8. Xây dựng vùng nguyên liệu:**

Chú trọng phát triển các vùng chuyên canh như định hướng trong quy hoạch nông nghiệp nông thôn đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 3292/QĐ-UBND (05/10/2007) để cung ứng nguyên liệu cho phát triển NNNT.

#### **9. Bảo vệ môi trường:**

Từng bước di dời các cơ sở sản xuất ngành nghề gây ô nhiễm môi trường: Bánh bún, chế biến tinh bột khoai mì, chế biến các sản phẩm từ thịt, đúc gang, đồng, đồ gỗ, cơ khí ra các khu, cụm tập trung, cách xa khu dân cư.

Có quy định chung về xử lý môi trường cho các hộ, cơ sở ngành nghề và các cơ sở phải làm cam kết bảo vệ môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh thực thi Luật Bảo vệ môi trường, các quy định về môi trường của Nhà nước.

Sở KH & CN hướng dẫn các doanh nghiệp thủ tục để được hỗ trợ kinh phí từ Bộ KH & CN trong nghiên cứu đổi mới công nghệ (ưu tiên các công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường theo Nghị định số 119/1999/NĐ-CP ngày 18/9/1999 của Chính phủ).

### **VIII. Tổ chức thực hiện:**

#### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn:**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã xây dựng quy hoạch, kế hoạch chi tiết và các dự án ưu tiên đầu tư phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức thực hiện, công bố, thông báo công khai và rộng rãi nội dung quy hoạch và các dự án tạo điều kiện thuận lợi để công dân, doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong và ngoài nước dễ dàng tiếp cận nghiên cứu, khai thác nhằm phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn. Theo dõi, giám sát, kiến nghị những bổ sung cần thiết đảm bảo cho việc triển khai thực hiện quy hoạch có hiệu quả.

- Tổ chức chỉ đạo và hướng dẫn địa phương trong tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn.

#### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính:**

Trên cơ sở quy hoạch, các dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền cho chủ trương, bố trí, cân đối vốn đầu tư theo phân cấp để thực hiện quy hoạch.



### **3. Các sở, ngành có liên quan:**

- Sở Công thương: Trực tiếp là Trung tâm Khuyến công theo đúng chức năng tổ chức thật tốt các hợp phần khuyến công theo quy định của pháp luật.

- Sở Khoa học và Công nghệ: Khẩn trương xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm truyền thống ở tỉnh. Hướng dẫn các cơ sở nghề truyền thống lập hồ sơ đăng ký công nhận xuất xứ hàng hóa trình với cơ quan chức năng.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Bố trí quỹ đất cho phát triển NNNT trong kỳ quy hoạch sử dụng đất 2010 - 2020. Hướng dẫn các cơ sở thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề và chỉ đạo các cơ sở dạy nghề do Sở quản lý tiếp nhận đào tạo nghề số lao động cần được đào tạo theo các dự án với chất lượng cao.

- Liên minh HTX tỉnh Đồng Nai: Hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh NNNT trong việc tham gia hội chợ triển lãm, học tập và xây dựng mô hình kinh tế hợp tác, đề xuất cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn.

**4. UBND các huyện, thị xã Long Khánh:** Chủ động phối hợp với các sở, ngành có liên quan, xây dựng quy hoạch, kế hoạch và dự án phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn từng huyện, thị. Hướng dẫn các ấp, xã tiến hành lập hồ sơ trình UBND tỉnh công nhận nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống.

**5. Ủy ban nhân dân các xã, phường:** Xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn theo chỉ đạo của UBND cấp huyện, các sở, ngành cấp tỉnh. Lập hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống trình UBND cấp huyện tổng hợp. Hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh NNNT đăng ký kinh doanh và thực hiện tốt các chủ trương chính sách của Nhà nước.

**6. Các cơ sở, ngành nghề nông thôn:** Tiếp tục triển khai phát triển sản xuất những ngành nghề có lợi thế, ưu tiên phát triển trong thời kỳ từ nay đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020 đúng theo quyết định phê duyệt của UBND tỉnh Đồng Nai.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Chi cục Trưởng Chi cục Phát triển nông thôn, Giám đốc Trung tâm Khuyến công, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông, Giám đốc các trường và Trung tâm Dạy nghề trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  
(Đã ký)

## **Ao Văn Thinh**